TÒA ÁN NHA DA **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu XuA

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhA dA huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm: 1990; Cư trú tại: Ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L, có mặt

2. Bị đơn: Ông Thượng Minh T sinh năm: 1982; Cư trú tại: Ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị K cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà K và ông T tổ chức lễ cưới năm 2007. Hôn nhA của vợ chồng bà là do mai mối, không có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nhA tại Ủy ban nhA dA xã T.C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170/2010, quyển số 01/2009, ngày 22/12/2010. Theo bà K thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, bà K phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ K, ông T cũng thừa nhận sự việc này với bà K. Bà K có khuyên ông T nhưng không được. Bà K nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhA với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thượng Yến N, sinh ngày 15/5/2008 và Thượng Khánh A, sinh ngày 08/5/2009. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, giao cho ông T nuôi dưỡng cháu A. Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thượng Minh T. Ông T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà K và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thượng Minh T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhA dA huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng DA sự.

Bị đơn ông Thượng Minh T được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng DA sự năm 2015.

[2] Về hôn nhA: Bà Trần Thị K và ông Thượng Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA xã T.C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 170/2010, quyển số 01/2009, ngày 22/12/2010. Theo bà K vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhA mâu thuẫn do bà K phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ K, ông T cũng thừa nhận sự việc này với bà K. Bà K có khuyên ông T nhưng không được. Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía ông T, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà K và ông T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhA không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhA và Gia Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thượng Yến N, sinh ngày 15/5/2008 và Thượng Khánh A, sinh ngày 08/5/2009. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, giao cho ông T nuôi dưỡng cháu A.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu N có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, cháu A có nguyện vọng muốn được sống với cha nên giao cho bà K nuôi dưỡng cháu N, giao cho ông T nuôi dưỡng cháu A.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà K không yêu cầu, ông T không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà K trình bày không có, ông T không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà K trình bày không có, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng DA sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhA và Gia Đ;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Thượng Minh T.

Về hôn nhA: Bà Trần Thị K được ly hôn với ông Thượng Minh T.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị K nuôi dưỡng con chung tên Thượng Yến N, sinh ngày 15/5/2008, giao cho ông Thượng Minh T nuôi dưỡng người con chung tên Thượng Khánh A, sinh ngày 08/5/2009. Bà Trần Thị K, ông Thượng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia Đ không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhA, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhA và Gia Đ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu số 0000829 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án DA sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án DA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án DA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án DA sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu XuA